

Góp phần vào việc nghiên cứu Nhân học trong hội nhập quốc tế hiện nay

(Tiếp theo và hết)

Phạm Khiêm Ích^(*)

Tóm tắt: Giới nghiên cứu và giảng dạy Nhân học đang tập trung thảo luận chủ đề: “Lịch sử, Hiện trạng và Triển vọng của Nhân học ở Việt Nam”. Để góp phần thảo luận chủ đề này, bài viết trình bày 3 điểm sau đây:

- Hiện trạng nghiên cứu và giảng dạy Nhân học ở Việt Nam.
- Nhận thức lại Nhân học và những đặc trưng cơ bản của nó.
- Nhân học phức hợp - Đóng góp quan trọng của Edgar Morin vào sự phát triển của Nhân học đương đại.

Từ khóa: Nhân học, Nghiên cứu nhân học, Nhân học đương đại, Edgar Morin

III. Nhân học phức hợp - Đóng góp quan trọng của Edgar Morin vào sự phát triển của nhân học đương đại

Edgar Morin (sinh năm 1921 tại Paris) là một trong những nhà tư tưởng hàng đầu của nước Pháp đương đại. Là “người cha đẻ của tư duy phức hợp”, người sáng lập và Chủ tịch Hiệp hội Tư duy phức hợp (APC), Edgar Morin đã tập trung mọi nỗ lực vào việc triển khai một lý thuyết, một logic, một tri thức luận về tính phức hợp để có thể nhận biết con người (Phạm Khiêm Ích, 2009, tr.x).

Điều đặc sắc nhất của Edgar Morin là ở chỗ, ông tập trung nghiên cứu con người như một thực thể siêu phức hợp: “Trong mọi loại sinh vật trên Trái Đất, chúng ta là loại duy nhất có bộ máy não

- thần kinh cực siêu phức hợp, duy nhất có ngôn ngữ phân đoạn hai bậc để giao tiếp giữa cá nhân này với cá nhân khác, duy nhất có ý thức...”.

Nghiên cứu con người như vậy chính là *Nhân học phức hợp* (*Anthropologie complexe*) (Phạm Khiêm Ích, 2015, tr.5).

1. Con người trước hết được định nghĩa là *Bộ ba cá nhân - xã hội - giống loài* (La trinité individu - société - espèce, còn dịch là Khối tam vị nhất thể cá nhân - xã hội - giống loài).

Nhìn nhận bộ ba trên đây, người ta thường xem trọng về này, xem nhẹ về kia. Tâm lý học thường chú trọng đến tính tự chủ và những đặc tính riêng biệt của cá nhân, bỏ qua các quan hệ xã hội. Ngược lại, khi nhìn nhận theo quan điểm xã hội học thì các quan hệ xã hội

^(*) PGS., Phó Chủ nhiệm Chương trình Dịch thuật Thông tin KHXH&NV, thuộc Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam; Nguyên Phó Viện trưởng Viện Thông tin KHXH; Email: ichphkh@yahoo.com.vn

nổi lên. K. Marx nhấn mạnh: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” (Các Mác, 1980, tr.257).

Để khỏi rơi vào tình trạng phiến diện đó, Edgar Morin khẳng định: “Trong sách này tôi huy động đồng bộ 3 quan điểm cho phép nêu bật lên *Bộ ba cá nhân - xã hội - giống loài* theo cách thức mà cả thực tại của cá nhân, thực tại của xã hội và thực tại của giống loài sinh học chúng ta không bên nào xua đuổi được bên kia” (Phạm Khiêm Ích, 2015, tr.14).

Mỗi vế chứa đựng cả những vế khác. Cá nhân không chỉ ở trong giống loài, giống loài cũng ở trong các cá nhân, cá nhân không chỉ ở trong xã hội, mà xã hội cũng ở nội tại các cá nhân bằng cách in đậm “dấu ấn” văn hóa ngay khi cá nhân vừa ra đời.

Cá nhân là sản phẩm của quá trình tái sinh sản loài người, nhưng quá trình này tự bản thân nó phải là sản phẩm của những cá nhân.

Giống loài sản sinh ra các cá nhân và các cá nhân sản sinh giống loài, các cá nhân sản sinh xã hội và xã hội sản sinh ra các cá nhân: giống loài, xã hội, cá nhân tự sản sinh lẫn nhau, mỗi vế tạo ra và tái tạo vế kia.

Quan hệ giữa 3 vế trên đây vừa bổ sung cho nhau, vừa có thể đối kháng nhau. Chẳng hạn xã hội ức chế hoặc đàn áp cá nhân, còn cá nhân thì khao khát tự giải phóng khỏi ách xã hội. Dù liên hệ mật thiết với nhau, nhưng các vế này không thật sự hòa nhập vào nhau. Mỗi vế đều không thể quy giản được, mặc dù nó vẫn phụ thuộc các vế kia: *Nền tảng của tính phức hợp nhân loại chính là ở điểm đó.*

2. *Con người hình thành cùng với Bộ ba não - văn hóa - tinh thần* (La trinité cerveau - culture - esprit)

Con người ra đời là kết quả của sự tiến hóa lâu dài, khởi đầu bằng quá trình nhân hóa (hominisation) cách đây chừng 7 triệu năm. Hành trình này bị gián đoạn do xuất hiện những giống loài mới như người khéo (habilis), người đi thẳng (erectus), người Néandertal, người khôn (sapiens) và sự tuyệt chủng của các loài trước đó, cũng như do thuần hóa lửa, rồi do sự đột khởi của ngôn ngữ và văn hóa.

Bộ não to lớn của người khôn chỉ có thể xuất hiện khi đã hình thành một nền văn hóa vốn đã phức hợp. Quá trình biến đổi sinh học và phát triển văn hóa liên quan mật thiết với nhau. Nói cách khác, nhân hóa sinh học là tất yếu để kiến lập văn hóa, song sự đột sinh của nền văn hóa cũng tất yếu cần thiết để nhân hóa tiếp diễn đến người Néandertal và người khôn.

Bộ não con người hợp nhất trong nó: 1/ Não cổ sinh (paléocéphale), kế thừa từ não loài bò sát, là nguồn gốc của tính xâm kích; 2/ Não trung sinh (mésocéphale), kế thừa từ não động vật có vú thời cổ, trong đó có một thùy được gọi là thùy “hải mã” (cá ngựa) liên kết phát triển tình cảm với phát triển trí nhớ dài hạn; 3/ Vỏ não, với kích thước rất nhỏ bé ở loài cá và bò sát, nhưng phình rất to ở loài có vú tới mức bao bọc mọi cấu trúc của đại não và tạo thành hai bán cầu não. Riêng con người lại có một vỏ não tân sinh (néo-cortex) với mức phát triển lạ thường, là vị trí của những năng lực phân tích, logic, chiến lược...

Trong tiến trình nhân hóa, ngôn ngữ xuất hiện chiếm vị trí hạt nhân của mọi nền văn hóa. Văn hóa tích lũy trong bản thân nó những gì được bảo toàn, lưu

truyền, học tập... Vốn liếng đầu tiên của con người chính là văn hóa. Không có nó, hiện hữu con người chỉ là giống linh trưởng hạ đẳng mà thôi.

Sự gia tăng và cải tổ bộ não được khởi đầu ở người đi thẳng và kết thúc ở người khôn đã dẫn tới “cuộc cách mạng tinh thần”. Não người gồm hàng chục tỷ tế bào thần kinh, tại đó những kỹ năng mới mẻ xuất hiện, phát triển mới về tính tự chủ, tính thông minh, hành vi ứng xử...

Tinh thần đã đột khởi lên từ bộ não. Nó tác động trở lại sự vận hành của não và văn hóa. *Bộ ba não - văn hóa - tinh thần* không thể tách rời nhau. Tinh thần là sự đột khởi của não, do văn hóa kích thích, mà văn hóa cũng sẽ không tồn tại nếu không có bộ não.

3. Tính thống nhất phức hợp của con người

Đa dạng, hơn nữa đa dạng vô hạn, là đặc điểm và xu hướng phát triển chung của thế giới sinh vật, cũng như thế giới con người. Nhưng tính thống nhất cũng là bản sắc chung của con người, của nhân loại. Thống nhất trong đa dạng, đa dạng trong thống nhất. Đó là mối quan hệ phức hợp, là *tính thống nhất phức hợp (L'unité complexe) của con người*.

Trên trái đất này, tính đa dạng của loài người thật kỳ lạ, không kể xiết. Chúng tộc rất đa dạng, giống người lai rất nhiều. Số dân tộc trên thế giới ngày càng thêm nhiều. Sắc tộc còn nhiều hơn và đa dạng hơn. *Ngôn ngữ* nở rộ với số lượng hàng nghìn, đi liền với tính đa dạng về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm. *Các nền văn hóa* đều khác nhau ở thể giới quan, thần thoại, nghi thức thần linh và phàm trần dân dã, những tập tục thực hành, cấm kỵ,..., vốn ở mỗi xã hội mỗi khác nhau, mỗi thời mỗi khác

nhau rất xa. *Các tôn giáo* ra đời từ một nền văn hóa riêng biệt, nhưng có thể phổ cập rộng rãi. Tuy nhiên, trong mỗi nền văn hóa lại có những đặc thù về tín ngưỡng, tư tưởng, giá trị, liên kết đặc biệt các cộng đồng người vào tổ tiên, truyền thống. Các vị thần thánh cũng khác nhau, ngay cùng một vị Thượng Đế nhất của Thần giáo cũng biến thành khác nhau, các giáo phái thậm chí thù ghét nhau.

Các xã hội cực kỳ đa dạng. Đến ngày nay vẫn tồn tại những bộ lạc, những xã hội gần như phong kiến, những đế chế, những thành bang rất nhỏ bé. Trong lòng xã hội, thực trạng chuyên môn hóa lao động và sử dụng kỹ thuật đã quyết định vô số nghề nghiệp, vô số hình thức đa dạng về cách ứng xử. Sự phân hóa về đẳng cấp, giai cấp, các nhóm xã hội rất sâu sắc. Kẻ giàu, người nghèo, kẻ thống trị, người bị trị, kẻ đặc quyền ưu đãi, người bị thiệt thòi, hết thảy đều có tư tưởng, quan điểm và hành xử khiến nhóm này xa lạ với nhóm kia, tưởng chừng họ không sở thuộc cùng một giống loài.

Con người khác nhau về hình thái, thể chất, gương mặt, vóc dáng, hệ cơ bắp, màu da, tùy theo di truyền gen và di sản chủng tộc. Đa dạng tâm lý còn tác động mạnh mẽ hơn đa dạng về thể chất. Sự đa dạng giữa những cách thức tư duy, các hệ tư tưởng, các lý thuyết hay triết thuyết, các vũ trụ quan và thế giới quan vô cùng sâu sắc. Bản thân ý thức của con người cũng luôn đổi thay tùy theo điều kiện văn hóa, chính trị, qua đó nhiều khả năng xảy ra ý thức sai lầm và suy thoái trí tuệ....

Nếu tính đa dạng của con người hiển nhiên, dễ thấy chừng nào, thì tính thống nhất của loài người lại vô hình, khó thấy chừng ấy, nhất là đối với

những người quen nhận thức, suy nghĩ đơn giản, “chỉ tin vào những gì nhìn thấy được”.

Tính thống nhất đầu tiên của con người là mang tính sinh thành. Thuật ngữ “sinh thành” (générique) vượt khỏi hần và bao hàm cả thuật ngữ “di truyền” (génétique). Nó gắn với cội nguồn phát sinh và tái phát sinh để tạo thành con người.

K. Marx đã nói đến “con người sinh thành” (homme générique). Edgar Morin khẳng định rằng ông mượn của K. Marx thuật ngữ này và ở đây ông thể hiện chữ “sinh thành” không chủ yếu quy về nòi giống con người, mà chú trọng nhấn mạnh “năng khiếu tạo nên mọi tính cách và mọi chất lượng con người”. Cái hay của thuật ngữ “sinh thành” là dẫn ta đến một quan niệm về nguồn gốc phát sinh con người “tương tự như tiềm lực các tế bào mẹ của phôi, cũng ở cả trong tủy xương người trưởng thành và đủ năng lực tái sinh các chi bị tổn thương, què cụt, sinh thành những cơ quan mới, thậm chí hoàn thành được cả việc nhân bản vô tính một cơ thể mới” (Phạm Khiêm Ích, 2015, tr.18). Như vậy một di sản kế thừa qua di truyền của giống loài là chung cho hết thấy mọi người, đảm bảo cho tất cả mọi tính cách thống nhất.

Tính thống nhất của bộ não là một trong những đặc tính phân biệt quan trọng của bản sắc con người. Bất kể những biến thiên thế nào về thể tích bộ não giữa những cá nhân, bất kể những phân biệt về chủng tộc và sắc tộc ra sao, bộ não con người vẫn có tổ chức giống nhau về cơ bản.

Tính thống nhất về ngôn ngữ: mọi người đều có khả năng nói thứ ngôn ngữ phân đoạn hai bậc (double articulation), đó là đặc sắc cơ bản của tính thống nhất

nhân loại. Bất kể ngôn ngữ có tính đa dạng như thế nào, nó vẫn có vai trò không thể thay thế trong quá trình hình thành và phát triển của con người: Con người tự tạo trong ngôn ngữ, đồng thời ngôn ngữ đã tạo nên con người. Chúng ta cởi mở nhờ ngôn ngữ, bị giam hãm cũng trong ngôn ngữ, cởi mở với người khác nhờ ngôn ngữ, khép kín với người khác cũng bằng ngôn ngữ (nói sai, nói dối...), cởi mở với tư tưởng nhờ ngôn ngữ, khép kín với tư tưởng cũng do ngôn ngữ. Ngôn ngữ cho phép sự đột sinh của tinh thần con người. Nó là tất yếu đối với con người trong mọi hoạt động nhận thức và thực hành, gắn kết vào nội tại mọi tổ chức xã hội.

Tính thống nhất về văn hóa - xã hội: Dù đa dạng thế nào thì các nền văn hóa của các dân tộc đều có chung một nền tảng. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy, có sự tồn tại một số tính phổ quát tâm lý - tình cảm của loài người. Những tình cảm lớn như tình yêu, sự dịu dàng, tình bạn, lòng hận thù... đều có tính thống nhất. Mọi người ở các xã hội khác nhau đều cùng chung một thể nghiệm về cái chết. Ngay cả ở những người tin vào cuộc sống sau cái chết, hay phục sinh, cái chết vẫn cứ là chủ đề lo âu, buồn thảm. Ở mọi cá nhân, mọi xã hội đều có sự đồng thời hiện diện của hai loại tư duy: tư duy lý tính - kinh nghiệm - kỹ thuật và tư duy tượng trưng - tượng tự - ma thuật. Ngày nay văn hóa của mỗi dân tộc đã trở thành tài sản chung của nhân loại.

Tính đa dạng sáng tạo trong tính thống nhất sinh thành: Giữa tính đa dạng với tính thống nhất của loài người có mối liên hệ sâu sắc, bền vững. Con người là một thực thể phức hợp, hiểu theo nghĩa hội tụ trong bản thân những đặc điểm mâu thuẫn nhau. Con người

vừa “khôn”, vừa “điên rồ” (homo sapiens/demens), vừa sản xuất, sáng tạo, lo âu..., vừa hưởng thụ, ham lạc thú, ca hát, nhảy múa, hay tưởng tượng, mơ màng, có ý thức, vô thức, ma thuật... Tất cả những đặc điểm đó ghép vào nhau, phát tán ra, tổ hợp lại, tùy theo cá nhân, xã hội, tùy theo thời điểm và không gian khác nhau, qua đó làm cho tính đa dạng sáng tạo của loài người gia tăng tới mức không thể tưởng tượng được.

Song mọi nét đặc điểm trên đây xuất hiện từ những tiềm năng của con người sinh thành như K. Marx nói. Kể từ thời tiền sử, cuộc lưu tán của nhân loại chưa từng tạo ra một hiện tượng chia cắt gen suốt mấy chục vạn năm, hoặc lâu hơn nữa. Người da đỏ, da đen, da vàng, da trắng đều sở thuộc chung cùng một loài, có những tính cách cơ bản như nhau. Đó là nền tảng nhân học chung: “Kho báu của nhân loại nằm trong tính đa dạng sáng tạo, những nguồn gốc của tính sáng tạo lại nằm trong tính thống nhất sinh thành của nhân loại” (Phạm Khiêm Ích, 2015, tr.20).

4. Bản sắc cá nhân, bản sắc xã hội, bản sắc nhân loại

Nghiên cứu bản sắc con người là nhiệm vụ quan trọng của nhân học. Nó bổ sung, cụ thể hóa quan niệm về con người như là *Bộ ba cá nhân - xã hội - giống loài*.

Bản sắc cá nhân: Cá nhân người là “một đơn vị sơ đẳng của nhân loại” (L'unité élémentaire de l'humanité), nhưng lại chứa đựng trong bản thân toàn bộ nhân loại. Cá nhân là độc nhất, không thể thay thế được. Hai con người song sinh đồng hợp tử, cùng một bản sắc gen, có thể có mọi thứ giống nhau, trừ cái Tôi thì không như nhau. Cái quyết định làm cho cá nhân này khác với cá nhân khác không phải do tính di truyền, mà

chính là do “cái Tôi chiếm lĩnh được vị trí tự kỷ trung tâm, cái Tôi này hợp nhất, hội nhập, hấp thu và tập trung hóa các trải nghiệm của một cuộc đời về các phương diện não, tinh thần và tình cảm” (Phạm Khiêm Ích, 2015, tr.20).

Cái Tôi giống như nguyên tử: một đơn vị mà bề ngoài có vẻ đơn giản, không thể rút gọn được, sơ đẳng, song sự thật lại là một hệ thống rất phức tạp, đa phương, mâu thuẫn, tại đó khối hạt nhân trung tâm cũng phức tạp.

Không thể nào quy giản được cá nhân. Mọi ý đồ hòa tan cá nhân vào xã hội và giống loài đều sai lệch và lầm lạc. Cá nhân con người có tính ưu việt so với giống loài và xã hội, bởi lẽ riêng mình nó cũng có được ý thức và độ viên mãn của tính chủ thể. Khái niệm “cá nhân” chỉ có ý nghĩa nếu nó bao hàm khái niệm “chủ thể”. Là chủ thể, chính là tự mình định vị ở trung tâm thế giới để nhận thức và hành động. Chủ thể là tự kỷ trung tâm, có thể thiên về chủ nghĩa vị kỷ, ích kỷ hại nhân, đồng thời có khả năng vị tha, khích lệ tình hữu ái hòa hợp, hào hiệp tới mức quên mình vì người khác.

Chủ thể quan hệ với người khác là *quan hệ liên chủ thể*, thừa nhận những người khác đều là những chủ thể. Tính chất liên chủ thể là môi trường sống của chủ thể, thiếu nó thì chủ thể sẽ lụi tàn.

Điểm mấu chốt là chủ thể con người có thể xem mình vừa là chủ thể, vừa là khách thể, cho phép xử lý vấn đề chủ quan của mình theo cách thức khách quan. Đồng thời thừa nhận tính chủ thể của những người khác, không coi họ chỉ là những khách thể.

Cách nhìn nhận này làm cho con người có đủ năng lực sinh tồn trên thế giới, tôn trọng tính nhân loại của những người khác. Như vậy bản sắc cá nhân

tương ứng với *Bộ ba con người là cá nhân - xã hội - giống loài*, đồng thời cũng gắn liền với *quan hệ liên chủ thể* về tình bạn, tình yêu.

Bản sắc xã hội: Xã hội loài người tự tổ chức, tự sản sinh, xuất phát từ những quy tắc, kiến thức, chuẩn mực của một nền văn hóa. Các cá nhân và xã hội có quan hệ hữu cơ. Trong lòng mỗi xã hội, từng cá nhân đều là một chủ thể tự kỷ trung tâm, đồng thời là một thành phần của khối toàn thể xã hội trung tâm. Tự kỷ trung tâm của cá nhân nhập vào xã hội trung tâm của xã hội mà vẫn tự bảo tồn, và xã hội trung tâm của xã hội cũng nhập vào cái tự kỷ trung tâm của cá nhân.

Xã hội nguyên sơ, tối cổ (archaïque) của loài người đã tồn tại không hề có nhà nước trên toàn cầu hàng vạn năm. Các thành viên của xã hội ấy sinh sống bằng săn bắt và hái lượm. Họ đã có hiểu biết về nhiều mặt, phục tùng các quy tắc và chuẩn mực về phân phối, huyết thống, thực hành các nghi lễ, ma thuật, thờ cúng, nhảy múa, ca hát,... Ma thuật, huyền thoại và nghi lễ nhằm làm cho các quy tắc tổ chức xã hội trở thành linh nghiệm, thiêng liêng. Những quy định và ngăn cấm được nội tâm hóa sâu sắc, cho nên có sức mạnh lớn lao tới mức làm cho việc cưỡng chế và trừng phạt là rất ít cần thiết.

Từ xã hội nguyên sơ, tối cổ chuyển sang *xã hội lịch sử* cách đây một vạn năm. Xã hội mới bao hàm nhà nước, đô thị, nông nghiệp, giai cấp xã hội, định chế tôn giáo. Sự xuất hiện các xã hội mới trùng hợp với sự ra đời của lịch sử, xuất hiện hai loại hình nhà nước: Nhà nước đế chế và Nhà nước thành bang. Sự ra đời của nhà nước là sự kiện tổ chức then chốt của các xã hội lịch sử. Từ đó, xã hội tiếp tục biến hình, dân tộc hiện đại xuất hiện,

nhưng nhà nước vẫn chiếm lĩnh hạt nhân các xã hội đến tận ngày nay.

Nhà nước dân tộc hiện đại sản sinh một thành tựu mới của siêu bộ máy xã hội. Nó có thể hội nhập các sắc tộc rất dị biệt nhau, mà không xóa bỏ tính đa dạng của họ. Nhà nước dân tộc đã thống nhất được họ trong ngôn ngữ chung và giáo dục chung. Nhà nước dân tộc dân chủ quy tụ các cá nhân với tư cách là công dân tận tâm với Tổ quốc, chứ không phải là thần dân tùy thuộc vào nhà nước hùng mạnh.

Các xã hội đương đại có tính phức hợp rất cao, biểu hiện ở những đối kháng và cạnh tranh lợi ích, nhất là cạnh tranh về tư tưởng trong khuôn khổ các luật lệ dân chủ. Điều này nói lên rằng tính phức hợp cao chứa đựng quyền tự chủ cá nhân và quyền công dân.

Bản sắc nhân loại: Trong quá trình phát triển, loài người đã sản sinh được một trạng thái đa dạng, phong phú. Những con người bị chia cách đã quên mất bản sắc chung của mình và trở thành xa lạ. Nhà nhân học Claude Lévi-Strauss nhận xét rằng: đối với những bộ phận rộng lớn của giống người và trong hàng vạn năm, khái niệm “loài người” vẫn hoàn toàn chưa có. Loài người dừng lại ở ranh giới của bộ lạc, của nhóm ngôn ngữ, thậm chí đôi khi của làng.

Công cuộc toàn cầu hóa từ đầu thế kỷ XVI mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên toàn hành tinh, làm cho các dân tộc khác nhau trên thế giới xích lại gần nhau, hiểu biết lẫn nhau. Công cuộc toàn cầu hóa lần thứ nhất mở màn và triển khai trong bạo lực, hủy hoại, chiếm nô, bóc lột hung dữ các châu Mỹ, châu Phi và châu Á, thực hiện việc thực dân hóa thế giới.

Tuy nhiên toàn cầu hóa cũng kích thích nhiều giao lưu và trao đổi. Kết quả

là hết thấy những mảnh vụn của nhân loại bị lưu tán cách đây nhiều vạn năm đã gắn liền vào nhau một cách vô thức. Thế nhưng các bộ phận đó chưa thể cấu thành một khối tổng thể mà người ta có thể gọi là *nhân loại*. Quá trình này diễn ra chậm chạp, khó khăn, vấp vấp.

Công cuộc toàn cầu hóa thứ hai bắt đầu từ những năm 1960, vừa gắn bó, lại vừa đối kháng với toàn cầu hóa thứ nhất. Đó là toàn cầu hóa về chủ nghĩa nhân văn, quyền con người, nguyên tắc tự do - bình đẳng - bác ái, tư tưởng dân chủ, tư tưởng đoàn kết cả loài người. Công cuộc toàn cầu hóa thứ hai này có thuận lợi lớn là sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ.

Một cuộc cách mạng đang bắt đầu thực thi trong quan hệ cá nhân với xã hội, cũng như giữa cá nhân với nội giông. Những nghiên cứu sinh học đã tiến hành việc giải mã bản đồ gen, bắt đầu khám phá bộ não, khám phá về biến đổi gen, tế bào, bào thai,... Đó là những khúc dạo đầu của việc kiểm soát cuộc sống con người bởi trí tuệ và xã hội, và cũng bởi cả kinh tế và lợi nhuận.

Những điều này chứng tỏ rằng đã có thể tưởng tượng một kỷ nguyên quyền lực nội tâm của tinh thần đang hình thành sau kỷ nguyên quyền lực vật chất, đồng thời bổ sung cho quyền lực vật chất.

5. Tạo dựng một Nhân học giàu sức sống

Nhân học ngày nay là “một nhân học không có sự sống (une anthropologie sans vie), trong đó khái niệm con người bị phá tung ra thành nhiều bộ môn tách rời nhau” (Phạm Khiêm Ích, 2015, tr.24).

Phải đoạn tuyệt hẳn với lối chia cắt con người ra thành nhiều mảnh, quy giản thành con người một chiều, như người khôn (homo sapiens), người chế tác (homo faber), người kinh tế (homo

economicus),... Các bộ môn khoa học chia tách nhau đang cắt rời con người, khoét rỗng cuộc sống, hủy diệt tính phức hợp của con người, làm cạn kiệt cả ý niệm về con người. Quan niệm này thể hiện sự hạn chế của tri thức luận cổ điển mà chúng ta cần phải vượt qua. Đồng thời phải đặt Nhân học trên cơ sở *tri thức luận phức hợp*, sẽ trở thành khoa học 100%, và triết học 100% (Phạm Khiêm Ích, 2006, tr.14). Từ đó tiến hành tích hợp các tri thức đa dạng về hiện hữu con người, liên kết các tri thức ấy làm nổi bật tính phức hợp của con người. Tri thức về con người vừa mang tính khoa học nhiều hơn, tính triết học nhiều hơn và cả chất thơ nhiều hơn. Đây chính là Nhân học giàu sức sống □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phạm Khiêm Ích (2006), “Edgar Morin với sự hình thành Tri thức luận phức hợp”, trong: *Edgar Morin. Phương pháp 3. Tri thức về tri thức. Nhân học về tri thức*, Lê Diên dịch, Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Phạm Khiêm Ích (2009), “Tính tất yếu của tư duy phức hợp”, trong: *Edgar Morin. Nhập môn tư duy phức hợp*, Chu Tiến Ánh và Chu Trung Can dịch, Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
3. Phạm Khiêm Ích (2015), “Edgar Morin và sự tạo dựng Nhân học phức hợp”, trong: *Edgar Morin. Nhân học phức hợp. Phương pháp 5. Nhân loại về nhân loại. Bản sắc nhân loại*, Chu Tiến Ánh dịch, Phạm Khiêm Ích biên tập và giới thiệu, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
4. Các Mác (1980), “Luận cương về Feuerbach”, trong: *Các Mác, Phri - drich Ăng - ghen, Tuyển tập*, Tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội.